

Thứ năm, ngày 28 tháng 9 năm 2023

Vietnam Daily Review

Một phiên giằng co

Dự đoán xu hướng thị trường

	Tiêu cực	Trung lập	Tích cực
Ngày 29/9/2023		•	
Tuần 25/09-29/09/2023		•	
Tháng 09/2023		•	

Nhận định:

Thị trường cơ sở: Thị trường tiếp tục chịu áp lực bán trong phiên sáng và kéo dài đến đầu phiên chiều, tuy nhiên lực cầu đã quay trở lại đã giúp chỉ số thu hẹp đà giảm, kết phiên VN-Index gần như đi ngang với thanh khoản yếu. Độ rộng thị trường nghiêng về phía tiêu cực với 6/18 ngành tăng điểm, trong đó mức tăng mạnh nhất thuộc về ngành Dầu khí, theo sau là ngành Tiện ích. Về giao dịch của khối ngoại, hôm nay khối này bán ròng trên sàn HSX và mua ròng trên sàn HNX. Trong những phiên giao dịch tới, thị trường có thể sẽ tiếp tục giằng co quanh ngưỡng 1,150 để tìm điểm cân bằng sau đợt điều chỉnh và hướng tới kiểm định trở lại ngưỡng 1,165.

Điểm nhấn:

- VN-Index **-0.12** điểm, đóng cửa **1152.43** điểm. HNX-Index **-0.57** điểm, đóng cửa **234.5** điểm.
- Kéo chỉ số tăng: **GAS (+1.28)**, **TCB (+0.96)**, **PLX (+0.4)**, **MWG (+0.37)**, **VPB (+0.34)**.
- Kéo chỉ số giảm: **VNM (-0.92)**, **SSB (-0.73)**, **VHM (-0.65)**, **SAB (-0.53)**, **STB (-0.48)**.
- Giá trị khớp lệnh của VN-Index đạt **14,577** tỷ đồng, giảm **-9.22%** so với phiên trước. Tổng giá trị giao dịch đạt mức 15,897 tỷ đồng.
- Biên độ dao động: 18.4 điểm. Thị trường có **211** mã tăng, 59 mã tham chiếu, **282** mã giảm.
- Giá trị bán ròng của khối ngoại: **-508.84** tỷ đồng trên sàn HOSE, gồm **STB (-88.16 tỷ)**, **GMD (-64.18 tỷ)**, **VND (-64.17 tỷ)**. Khối ngoại mua ròng trên sàn HNX với giá trị **98.64** tỷ đồng.

Diễn biến BSC30, BSC50:

- BSC30 **+0.72%**. Các mã diễn biến tích cực: **PVS (+5.61%)**, **PVD (+3.77%)**, **PLX (+3.28%)**
- BSC50 **-0.05%**. Các mã diễn biến tích cực: **PVT (+4.64%)**, **BSR (+4.09%)**, **HAH (+3.20%)**

Diễn biến các nhóm ngành và chỉ số

Dầu khí	3.40%	Bất động sản	-0.61%
Điện, nước & xăng dầu khí	1.58%	Du lịch và Giải trí	-0.74%
Hàng & Dịch vụ Công	1.48%	Xây dựng và Vật liệu	-0.86%
Bán lẻ	1.42%	Y tế	-0.89%
Tài nguyên Cơ bản	0.39%	Dịch vụ tài chính	-1.12%
Hóa chất	0.09%	Thực phẩm và đồ	-1.13%
Bảo hiểm	-0.01%	Truyền thông	-2.38%
Ngân hàng	-0.14%	VNSML	-0.08%
Ô tô và phụ tùng	-0.23%	VNMID	-0.15%
Hàng cá nhân & Gia dụng	-0.28%	VN30	-0.36%
Công nghệ Thông tin	-0.40%		

BSC RESEARCH

Trường phòng

Trần Thăng Long

longtt@bsc.com.vn

Nhóm Vĩ mô & Thị trường

Bùi Nguyên Khoa

khoabn@bsc.com.vn

Phạm Thanh Thảo

thaopt1@bsc.com.vn

Vũ Việt Anh

anhvv@bsc.com.vn

Nguyễn Giang Anh

anhng@bsc.com.vn

Nguyễn Thùy Trang

trangnt1@bsc.com.vn

VN-INDEX **1152.43**

Giá trị: 14577.12 tỷ

-1.42 (-0.12%)

Khối ngoại (ròng): -508.84 tỷ

HNX-INDEX **234.50**

Giá trị: 1770.84 tỷ

-1.34 (-0.57%)

Khối ngoại (ròng): 98.64 tỷ

UPCOM-INDEX **88.44**

Giá trị: 729.66 tỷ

-0.29 (-0.33%)

Khối ngoại (ròng): 5.57 tỷ

Thông số vĩ mô

	Giá trị	%
Giá dầu	96.8	2.97%
Giá vàng	1,875	-1.34%
Tỷ giá USD/VND	24,395	-0.02%
Tỷ giá EUR/VND	25,659	0.08%
Tỷ giá JPY/VND	163	0.04%
LS liên NH 1 tháng	1.2%	0.00%
LS TPCP 5 năm	1.9%	-3.00%

Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Top giao dịch khối ngoại (tỷ đồng)

Top mua	Giá trị	Top bán	Giá trị
VCG	67.51	STB	-88.16
PDR	56.82	GMD	-64.18
MSN	47.92	VND	-64.17
GEX	43.76	CTG	-61.09
NLG	34.92	SSI	-51.37

Nguồn: BSC Research

Mục lục

Tổng quan thị trường	Trang 1
Tín hiệu hàng hóa	Trang 2
Danh mục BSC30	Trang 3
Danh mục BSC50	Trang 4
Báo cáo mới nhất	Trang 5
Khuyến cáo sử dụng	Trang 6

Cập nhật giá cả hàng hóa sáng 28/09

Mặt hàng	Đơn vị	Giá	% Ngày	% Tuần	% Tháng	% Năm	Liên quan đầu vào	Liên quan đầu ra
Dầu WTI	Barrel	93.85	3.82%	4.67%	17.79%	15.52%	PVT	GAS, BSR
Dầu Brent	Barrel	96.75	2.97%	3.45%	15.36%	12.14%	PVT	GAS, BSR
Xăng	Gallon	2.60	1.57%	-0.64%	1.39%	10.10%	HVN, VJC	PLX, OIL
Natural gas	USD/MMBtu	2.89	1.57%	-1.07%	-6.96%	-59.86%		
TTF Gas	EUR/MWh	39.30	-2.54%	5.40%	2.30%	-81.03%		
Vàng	Ounce	1,875.06	-1.34%	-2.83%	-2.32%	12.99%		PNJ
Bạc	Ounce	22.54	-1.40%	-3.02%	-7.07%	19.32%		PNJ
Đậu tương	Bushel	1,303.25	0.04%	-1.27%	-7.29%	-7.49%	DBC, QNS	HKB
Sữa	Cwt	18.38	0.00%	0.55%	6.86%	-7.59%	KDC	VNM, QNS
Cao su	JPY/kg	136.70	-0.36%	-3.05%	1.71%	3.25%	SRC, CSM, DRC	DPR, PHR, HAG
Đường	LB	26.13	0.42%	-2.46%	2.19%	42.87%	VNM, GTN, QNS	SBT, LSS, SLS
Ure	USD/T	427.50	0.00%	-1.16%	16.33%	-50.64%		DPM, DCM
Niken	LB	18,622.00	-1.26%	-5.33%	-9.67%	-14.28%		PC1
Đồng	LB	3.62	-0.09%	-3.41%	-4.23%	7.26%	CAV, SAM, TGP, VTH	MSN, ACM, BGM
Xút	CNY/T	3,090.00	0.00%	0.00%	13.19%	15.73%		CSV
Thép	CNY/ton	3,652.00	-0.52%	-3.84%	-1.11%	-8.03%		HPG
Nhôm	Ton	2,244.00	0.02%	-0.53%	3.48%	5.65%	CAV, SAM, TGP, VTH	

Thông tin nổi bật

Giá dầu

- Dầu thô Brent lúc kết thúc phiên giao dịch tăng 2.8%, lên 96.75 USD. Trong phiên có lúc giá phá vỡ mức 97 USD/thùng. Hợp đồng dầu thô trung cấp Tây Texas của Mỹ tăng 3.82%, lên 93.85 USD. Mức cao nhất trong phiên là hơn 94 USD.
- Giá dầu tăng 3% vào thứ Tư lên mức cao nhất năm 2023, sau khi tồn kho dầu thô của Mỹ giảm mạnh làm tăng thêm lo ngại về nguồn cung toàn cầu thắt chặt.

Giá vàng

- Vàng giao ngay cuối phiên thứ Tư giảm 1.4% xuống 1,874.34 USD/ounce, thấp nhất trong hơn sáu tháng. Giá vàng Mỹ kỳ hạn tháng 12 giảm 1.5% xuống 1,890.90 USD.
- Giá vàng kéo dài đà giảm phiên thứ ba liên tiếp do sức hấp dẫn của vàng thời bị ảnh hưởng bởi thị trường đặt cược rằng Cục Dự trữ Liên bang có thể giữ lãi suất ở mức cao, trong khi các nhà giao dịch hy vọng sẽ có thêm tín hiệu từ con số lạm phát của Mỹ - sẽ công bố trong tuần này.

Giá quặng sắt

- Quặng sắt kỳ hạn tháng 1 trên Sàn giao dịch hàng hóa Đại Liên (DCE) của Trung Quốc đã tăng 0.77% lên 848 nhân dân tệ (116.17 USD)/tấn. Giá quặng sắt kỳ hạn tháng 10 trên Sàn giao dịch Singapore tăng 1.3% lên 116.5 USD/tấn.
- Giá quặng sắt kỳ hạn tương lai phục hồi vào thứ Tư, do dữ liệu lợi nhuận công nghiệp tốt hơn mong đợi tại quốc gia tiêu dùng quặng sắt hàng đầu thế giới - Trung Quốc - đã làm phần chấn tâm lý nhà đầu tư, mặc dù vẫn còn đó mối lo ngại về nhu cầu trong bối cảnh thị trường bất động sản bị ảnh hưởng bởi khủng hoảng.

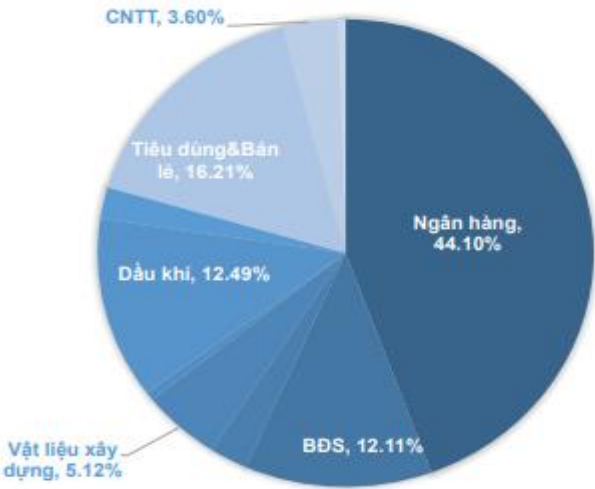
Giá hàng hóa khác

- Các đại lý cho biết thị trường sẽ tiếp tục thắt chặt trong mùa 2023/24 sắp tới, một phần do sản lượng có thể sụt giảm ở châu Á do hiện tượng thời tiết El Nino.
- Giá đường thô kỳ hạn tháng 10 tăng 0.11 cent, tương đương 0.4%, lên 26.13 cent/lb do thị trường tiếp tục củng cố ở gần sát mức cao nhất 12 năm thiết lập vào tuần trước.
- Đường trắng kỳ hạn tháng 12 giảm 1.40 USD, tương đương 0.2%, xuống 709.30 USD/tấn.

Danh mục BSC30

Cổ phiếu	Ngành	Giá đóng cửa (nghìn VND)	% Ngày	Beta	Vốn hóa (Tr USD)	Thanh khoản (tr USD)	EPS fw (VND)	P/E fw	Giá mục tiêu (VND)	NN sở hữu	Link tài báo báo
VCB	Ngân hàng	88.0	0.2%	0.9	20,174	3.8	5,532	15.9	105,000	23.5%	Link
BID	Ngân hàng	44.4	-0.1%	0.8	9,202	1.3	3,972	11.2	54,578	17.1%	Link
VPB	Ngân hàng	21.2	1.0%	1.1	5,838	11.4	1,793	11.8	23,685	16.6%	Link
TCB	Ngân hàng	33.6	3.2%	1.6	4,855	9.0	5,442	6.2	-	22.5%	Link
MBB	Ngân hàng	18.5	0.0%	1.5	3,956	5.1	3,445	5.4	24,400	23.2%	Link
STB	Ngân hàng	30.8	-3.3%	1.2	2,378	37.1	3,006	10.2	31,200	24.4%	Link
GVR	BĐS KCN	19.6	-1.3%	1.9	3,216	1.7	677	28.9	19,100	0.5%	Link
KBC	BĐS KCN	32.6	-0.2%	1.6	1,025	8.2	4,326	7.5	42,500	20.3%	Link
IDC	BĐS KCN	46.7	-2.7%	1.6	632	5.3	3,578	13.1	45,900	11.1%	Link
VGC	BĐS KCN	48.0	0.2%	1.8	883	1.5	2,580	18.6	-	4.8%	Link
HPG	Vật liệu xây dựng	26.6	0.4%	2.1	6,344	18.1	(326)	-81.6	23,300	26.4%	Link
VHM	Bất động sản	44.5	-1.3%	1.1	7,948	6.2	10,326	4.3	79,900	24.2%	Link
VRE	BĐS	25.4	-2.5%	1.0	2,372	4.7	1,588	16.0	38,900	32.1%	Link
KDH	BĐS	32.8	1.1%	1.8	963	1.4	1,268	25.8	44,100	38.9%	Link
NLG	BĐS	35.6	2.7%	1.7	560	3.3	1,294	27.5	46,100	41.4%	Link
DGC	Hóa chất	93.9	2.5%	1.8	1,463	14.0	10,627	8.8	85,000	13.5%	Link
DPM	Phân bón	37.0	0.5%	1.0	594	4.1	6,392	5.8	41,000	15.4%	Link
DCM	Phân bón	32.8	0.9%	1.3	712	4.2	4,283	7.7	36,000	11.4%	Link
GAS	Dầu khí	91.5	2.9%	0.6	8,620	3.5	5,549	16.5	110,500	2.9%	Link
PLX	Dầu khí	37.8	3.3%	0.9	1,967	1.7	2,063	18.3	45,000	17.3%	Link
PVS	Dầu khí	39.5	5.6%	1.1	774	20.3	1,930	20.5	38,500	20.3%	Link
PVD	Dầu khí	26.2	3.8%	1.1	596	4.8	460	56.9	29,000	21.3%	Link
POW	Tiện ích	11.5	-2.1%	0.9	1,105	2.3	579	19.9	14,500	6.2%	Link
VNM	F&B	74.8	-2.3%	0.4	6,412	5.8	3,920	19.1	81,700	54.4%	Link
MSN	F&B	76.5	0.7%	1.3	4,490	5.3	690	111.0	27,700	30.5%	Link
MWG	Bán lẻ	53.0	1.9%	1.8	3,180	19.4	1,069	49.6	63,800	49.0%	Link
PNJ	Bán lẻ	78.5	-0.8%	0.7	1,056	1.1	5,503	14.3	83,500	49.0%	Link
VHC	Thủy sản	77.5	0.5%	0.9	583	2.1	6,986	11.1	90,900	32.1%	Link
GMD	Logistics	65.8	2.8%	0.5	826	9.0	7,252	9.1	57,000	47.0%	Link
FPT	Công nghệ	94.0	-0.3%	0.6	4,896	6.8	4,301	21.9	108,000	49.0%	Link

Danh mục BSC30 gồm bao gồm 30 công ty có vốn hóa thị trường lớn nhất kèm thanh khoản lớn nhất trên cả ba sàn giao dịch chứng khoán Ho Chi Minh (HOSE), sàn giao dịch chứng khoán Hà Nội (HNX) và Sàn chứng khoán phi tập trung (Upcom). Các công ty trong BSC30 đại diện cho nhiều lĩnh vực kinh tế quan trọng, bao gồm ngân hàng, chứng khoán, hàng tiêu dùng, bán lẻ, công nghệ, sản xuất, logistic, điện và bất động sản. Các cổ phiếu trong BSC 30 được các chuyên gia BSC đánh giá, chọn lọc trên các tiêu chí hoạt động kinh doanh ổn định, tài chính mạnh mẽ, quản trị hiệu quả và cạnh tranh tốt trên thị trường. Việc đầu tư vào các cổ phiếu trong danh mục BSC30 được xem là một lựa chọn đáng tin cậy cho nhà đầu tư muốn đầu tư vào thị trường chứng khoán Việt Nam. Danh mục BSC30 sẽ được BSC định kỳ công bố hàng quý.



Danh mục BSC50

Cổ phiếu	Ngành	Giá đóng cửa (nghìn VND)	% Ngày	Beta	Vốn hóa (Tr USD)	Thanh khoản (tr USD)	EPS fw (VND)	P/E fw	P/B	NN sở hữu	ROE (%)
CTG	Ngân hàng	30.8	-0.50%	1.1	6,081	10.0	3,548	8.7	1.4	27.2%	16.3%
ACB	Ngân hàng	21.8	-1.1%	1.1	3,465	4.5	3,742	5.8	1.4	30.0%	26.3%
HDB	Ngân hàng	17.3	-0.6%	0.8	2,052	8.5	2,738	6.3	1.3	20.0%	23.9%
LPB	Ngân hàng	13.6	2.6%	1.3	1,427	1.5	1,694	8.0	1.4	3.9%	19.9%
VIB	Ngân hàng	19.4	-1.0%	1.2	2,013	3.2	3,469	5.6	1.5	20.5%	30.0%
VND	Chứng khoán	21.0	-3.7%	1.9	1,052	22.6	489	43.1	1.8	23.6%	4.8%
TPB	Ngân hàng	18.0	1.4%	1.0	1,630	4.7	2,895	6.2	1.2	28.8%	20.9%
SSI	chứng khoán	32.3	-2.1%	1.6	1,986	37.0	999	32.3	2.1	46.1%	7.9%
CII	Xây dựng	18.8	-2.6%	1.7	219	5.0	153	123.2	7.6	8.5%	3.0%
C4G	Xây dựng	12.8	-1.5%	2.0	0	0.7	446	28.7	1.2	0.0%	6.9%
CTD	Xây dựng	48.3	-23.3%	2.0	147	1.0	182	264.8	0.4	43.5%	0.2%
HHV	Xây dựng	15.9	0.0%	1.7	215	4.6	875	18.2	1.0	4.8%	3.9%
LCG	Xây dựng	12.1	-2.4%	2.1	94	1.9	478	25.3	0.9	3.1%	6.0%
BCM	KCN	67.2	1.5%	0.7	2,853	0.4	521	128.9	3.9	2.7%	7.6%
HUT	KCN	23.0	-0.9%	1.5	842	5.3	56	407.2	5.6	2.0%	1.3%
PHR	KCN	47.7	-0.6%	1.3	265	0.5	6,526	7.3	1.8	15.4%	24.4%
SZC	KCN	35.4	-1.0%	1.8	174	1.1	1,405	25.2	2.6	3.0%	9.0%
HSG	Vật liệu	20.3	1.5%	2.3	513	9.2	(2,114)	-9.6	1.2	20.5%	2.3%
HT1	Vật liệu	13.4	-0.4%	1.6	210	0.2	176	76.5	1.1	3.6%	3.0%
NKG	Vật liệu	19.9	0.8%	2.5	215	5.5	(2,655)	-7.5	1.0	10.6%	13.5%
PTB	Vật liệu	59.0	0.0%	1.0	162	0.4	5,299	11.1	1.5	17.4%	15.6%
KSB	Vật liệu	27.6	-1.2%	1.7	86	1.6	1,482	18.7	1.1	3.0%	6.5%
NVL	BĐS	15.8	1.6%	1.5	1,260	13.4	(270)	-58.3	0.8	3.8%	1.9%
DXG	BĐS	19.0	-1.0%	2.7	475	11.9	(318)	-59.7	0.8	18.5%	3.4%
HDC	BĐS	31.1	-2.0%	1.0	172	2.2	2,189	14.2	2.3	2.0%	20.6%
DIG	BĐS	24.5	-3.9%	2.4	613	19.7	154	159.0	1.9	5.6%	2.1%
IJC	BĐS	14.6	-0.3%	2.1	151	0.5	1,597	9.2	1.0	5.7%	12.1%
BSR	Dầu khí	22.4	1.0%	1.4	0	14.6	1,600	14.0	1.4	0.4%	29.6%
PVT	Dầu khí	28.2	4.6%	0.7	374	10.1	2,742	10.3	1.1	13.5%	15.1%
PLC	Vật liệu	33.4	0.3%	1.6	111	0.2	1,353	24.7	2.1	1.2%	9.4%
DRC	Săm lốp	23.1	0.4%	1.2	113	0.2	1,981	11.7	1.6	11.5%	14.4%
REE	Tiện ích	63.5	1.0%	0.7	1,064	1.5	6,116	10.4	1.3	49.0%	19.7%
GEX	Tiện ích	21.0	2.2%	1.9	732	15.9	(4)	-5434.9	0.9	11.9%	4.2%
NT2	Tiện ích	24.1	-2.0%	0.6	285	0.6	2,560	9.4	1.5	15.3%	21.4%
HDG	Bất động sản	28.3	-1.0%	1.8	355	1.6	2,605	10.9	1.3	23.8%	22.8%
PC1	Tiện ích	30.6	0.2%	1.6	340	4.6	974	31.5	1.5	5.6%	6.2%
GEG	Tiện ích	15.0	2.4%	1.0	209	0.6	640	23.4	0.9	45.9%	6.2%
BCG	Tiện ích	9.8	-2.6%	2.5	215	2.7	(165)	-59.6	0.4	2.0%	0.3%
SAB	F&B	72.4	-2.3%	0.1	3,809	1.3	3,478	20.8	3.8	62.3%	21.8%
QNS	F&B	48.5	-0.6%	0.5	0	1.4	4,965	9.8	2.2	16.2%	19.5%
FRT	Bán lẻ	85.2	0.2%	1.5	476	1.7	(356)	-239.6	7.3	32.6%	11.8%
DGW	Bán lẻ	56.9	-0.2%	2.2	390	3.7	2,959	19.2	4.3	23.6%	24.7%
DBC	F&B	22.0	-1.1%	2.1	219	1.6	551	40.0	1.1	5.9%	3.2%
PET	Bán lẻ	27.2	0.0%	2.4	119	0.9	834	32.6	1.5	1.4%	6.3%
BAF	F&B	22.3	1.4%	1.1	131	2.5	1,222	18.3	1.9	0.1%	12.1%
ANV	Thủy sản	36.0	-0.3%	1.7	197	3.2	2,162	16.7	1.8	3.9%	20.8%
VSC	Logistics	28.6	1.2%	0.3	157	1.6	1,262	22.7	1.2	3.2%	10.7%
HAH	Logistics	38.7	3.2%	1.2	168	7.9	5,908	6.6	1.3	4.1%	35.9%
CTR	Công nghệ	76.6	0.8%	1.5	359	2.0	4,238	18.1	5.3	9.7%	29.4%
TNG	Dệt may	19.8	-2.5%	1.6	92	1.6	2,346	8.4	1.5	21.5%	19.1%

Danh mục BSC50 bao gồm 50 công ty được lựa chọn dựa trên các tiêu chí về thanh khoản trong nhóm 100 mã cổ phiếu có thanh khoản tốt nhất trên cả ba sàn giao dịch. Các cổ phiếu này có beta cao hơn nhóm BSC30, tuy nhiên vẫn thuộc top doanh nghiệp dẫn đầu trong các ngành Ngân hàng, Chứng khoán, Bảo hiểm, Xây dựng, Bất động sản, Vật liệu, Logisitic, Dầu khí, Tiêu dùng, Công nghiệp, và Tiện ích (Điện, nước)... BSC 50 được các chuyên gia BSC đánh giá định kỳ hàng quý để đảm bảo rằng các cổ phiếu vẫn đáp ứng các tiêu chí được đưa ra. Danh sách BSC50 phù hợp với giai đoạn thị trường tăng trưởng và có tiềm năng cho các nhà đầu tư tìm kiếm cơ hội giao dịch trading ngắn hạn.

Danh sách các báo cáo đặc biệt BSC đã phát hành gần đây

STT	Tên báo cáo	Phân tích vĩ mô	Phân tích ngành	Link tải báo cáo
1	BSC_Vietnam Macro Market Outlook 2023_VN_Trong nguy có cơ	x		Click
2	BSC_Vietnam Sector Outlook 2023		x	Click
3	BSC_Vĩ mô & Thị trường Tháng 08.2023	x		Click
4	BSC_Vĩ mô & Thị trường Tháng 07.2023	x		Click
5	BSC_Vĩ mô & Thị trường Tháng 06.2023	x		Click
6	BSC_Vĩ mô & Thị trường Tháng 05.2023	x		Click
7	BSC_Vĩ mô & Thị trường Tháng 04.2023	x		Click
8	BSC_Vĩ mô & Thị trường Tháng 03.2023	x		Click
9	BSC_Vĩ mô & Thị trường Tháng 02.2023	x		Click
10	BSC_Vĩ mô & Thị trường Tháng 01.2023	x		Click

Khuyến cáo sử dụng

Bản báo cáo này của Công ty Cổ phần Chứng khoán BIDV (BSC), chỉ cung cấp những thông tin chung và phân tích về tình hình kinh tế vĩ mô cũng như diễn biến thị trường chứng khoán trong ngày. Báo cáo này không được xây dựng để cung cấp theo yêu cầu của bất kỳ tổ chức hay cá nhân riêng lẻ nào hoặc các quyết định mua bán, nắm giữ chứng khoán. Nhà đầu tư chỉ nên sử dụng các thông tin, phân tích, bình luận của Bản báo cáo như là nguồn tham khảo trước khi đưa ra những quyết định đầu tư cho riêng mình. Mọi thông tin, nhận định và dự báo và quan điểm trong báo cáo này được dựa trên những nguồn dữ liệu đáng tin cậy. Tuy nhiên Công ty Cổ phần Chứng khoán BIDV (BSC) không đảm bảo rằng các nguồn thông tin này là hoàn toàn chính xác và không chịu bất kỳ một trách nhiệm nào đối với tính chính xác của những thông tin được đề cập đến trong báo cáo này, cũng như không chịu trách nhiệm về những thiệt hại đối với việc sử dụng toàn bộ hay một phần nội dung của bản báo cáo này. Mọi quan điểm cũng như nhận định được đề cập trong báo cáo này dựa trên sự cân nhắc cẩn trọng, công minh và hợp lý nhất trong hiện tại. Tuy nhiên những quan điểm, nhận định này có thể thay đổi mà không cần báo trước. Bản báo cáo này có bản quyền và là tài sản của Công ty Cổ phần Chứng khoán BIDV (BSC). Mọi hành vi sao chép, sửa đổi, in ấn mà không có sự đồng ý của BSC đều trái luật. Bất kỳ nội dung nào của tài liệu này cũng không được (i) sao chụp hay nhân bản ở bất kỳ hình thức hay phương thức nào hoặc (ii) được cung cấp nếu không được sự chấp thuận của Công ty Cổ phần Chứng khoán BIDV.

BSC Trụ sở chính

Tầng 8 & 9 Tòa nhà Thái Holdings
210 Trần Quang Khải, Hoàn Kiếm, Hà Nội
Tel: +84 4 3935 2722
Fax: +84 4 2220 0669

BSC Chi nhánh Hồ Chí Minh

Tầng 9 Tòa nhà 146 Nguyễn Công Trứ
Quận 1, Tp. Hồ Chí Minh
BSC trân trọng cảm ơn quý khách hàng!
Fax: +84 8 3821 8510

<http://www.bsc.com.vn>
Bloomberg: RESP BSCV <GO>



Đối với Phân tích Nghiên cứu

Phòng Phân tích Nghiên cứu
hn.ptnc@bsc.com.vn
(+84) 39352722 - Ext 108

Đối với Khách hàng tổ chức

Phòng TVĐT và môi giới KHTC
hn.tvdt.khtc@bsc.com.vn
(+84)2439264659

Đối với Khách hàng cá nhân

Trung tâm tư vấn i-Center
i-center@bsc.com.vn
(+84)2437173639